

## VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC CỦA CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN NGÂN HÀNG

ThS. Đặng Đình Tân\*

**H**ệ thống ngân hàng nước ta đang trong quá trình hiện đại hóa mà thực chất là đang trong một cuộc “chạy đua công nghệ” với một trong những mục tiêu hàng đầu là *thiết lập một hệ thống xử lý nghiệp vụ ngân hàng hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin*. Quá trình này thể hiện rõ nét xu hướng trong đó các hệ thống thông tin (HTTT) ngân hàng ngày càng được mở rộng về đối tượng phục vụ và phạm vi giao dịch, từ chỗ chỉ phục vụ cho nhân viên nghiệp vụ và chỉ có thể hỗ trợ thực hiện giao dịch bên trong trụ sở chi nhánh ngân hàng, nay nhắm đến hỗ trợ ngày càng rộng rãi hơn cho khách hàng và cho phép thực hiện giao dịch bên ngoài trụ sở chi nhánh ngân hàng, bao quát trên những phạm vi địa lý trải rộng (toàn quốc, toàn cầu). Cùng với xu hướng đó, các HTTT ngân hàng cũng tích hợp ngày càng cao các quá trình xử lý tự động hóa, mà hệ quả là sự can thiệp của con người (nhân viên ngân hàng) vào các quá trình xử lý nghiệp vụ đang ngày càng giảm đi. Nói một cách ngắn gọn, quá trình hiện đại hóa hoạt động kinh doanh ngân hàng bao hàm xu hướng hoạt động kinh doanh ngân hàng ngày càng phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng (availability) của những máy móc, thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu cũng như ý thức trách nhiệm của con người trong quá trình vận hành hệ thống. Những ước lượng sơ bộ cho thấy hơn 80% các nghiệp vụ ngân hàng đã được xử lý bởi hệ thống máy tính, hay nói khác đi, hơn 80% năng lực hoạt động của ngân hàng giờ đây là do HTTT của ngân hàng quyết định. Điều này cho thấy một thực tế là duy trì năng lực hoạt động liên tục của HTTT là điều kiện sống còn để duy trì năng lực hoạt động kinh doanh liên tục (Business Continuity) của ngân hàng (mặc dù hai khái niệm này không hoàn toàn đồng nhất).

Mặt khác, duy trì năng lực hoạt động liên tục của HTTT còn có ý nghĩa quan trọng không kém nếu nhìn từ quan điểm hệ thống, trong đó mỗi ngân hàng chỉ là một thành phần trong hệ thống (thanh toán chẳng hạn). Các ngân hàng ở nước ta ngày nay hầu như đều tham gia vào một hay nhiều hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế khác

nhau (như thanh toán điện tử liên ngân hàng, chuyển tiền điện tử VCB Money, các hệ thống thanh toán, chuyển tiền quốc tế như SWIFT, MasterCard, VisaCard, Western Union...). Chính các “chuỗi liên kết ảo” này khiến cho sự gián đoạn hoạt động của HTTT của một ngân hàng (nếu xảy ra) không chỉ làm suy giảm khả năng cung ứng dịch vụ của ngân hàng đó cho khách hàng của mình mà còn làm suy giảm đến khả năng cung ứng dịch vụ của toàn hệ thống ngân hàng nói chung. Những thiệt hại xảy ra ở đây không chỉ đơn thuần về tài chính mà đằng sau đó là hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều ở chỗ đánh mất niềm tin của khách hàng vào hệ thống ngân hàng.

Chính ý nghĩa quan trọng như vậy đòi hỏi ngân hàng phải có những kế hoạch thích hợp để có thể duy trì năng lực hoạt động liên tục của HTTT hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh liên tục của mình. Tuy nhiên, phải thấy rằng duy trì năng lực hoạt động liên tục của HTTT ngân hàng là một nhiệm vụ phức tạp, và đôi khi có vẻ “ngoài tầm kiểm soát”, vì HTTT ngân hàng là một “phức hợp” nhiều thành phần công nghệ phức tạp khác nhau, mà sự vận hành liên tục (ổn định, đúng đắn) của mỗi thành phần công nghệ đó vốn chịu tác động bởi rất nhiều rủi ro đến từ bên trong lẫn bên ngoài ngân hàng. Bảng dưới đây xếp hạng những rủi ro có khả năng gây gián đoạn hoạt động của HTTT:

| Đánh giá mức độ rủi ro | Loại rủi ro                             |
|------------------------|---|
| 1                      | Phá hoại (vô ý, chủ ý)                  |
| 2                      | Tiết lộ dữ liệu mật, nhạy cảm           |
| 3                      | Trục trặc thiết bị                      |
| 4                      | Mất điện                                |
| 5                      | Hỏa hoạn                                |
| 6                      | Thiên tai (bão tố, lũ lụt, động đất...) |
| 7                      | Khủng bố                                |

(Nguồn: tổng hợp từ BCP Booklet 2003 – FFIEC và tài liệu của Viện kiểm toán viên nội bộ - Mỹ)

Những sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian mấy năm trở lại đây (sự kiện ngày 11/9, vụ cúp điện kéo dài ở khu vực Bắc Mỹ năm 2003, tình trạng thiếu hụt nguồn điện nghiêm trọng trong mùa khô năm nay ở nước ta, và mới đây nhất là

Đại học Ngân hàng Tp.HCM(\*)

vụ MasterCard với nguy cơ tiết lộ hàng triệu thông tin về thẻ thanh toán và tài khoản của khách hàng trên khắp thế giới...) cho thấy những rủi ro này cần được nhận diện đầy đủ và có biện pháp quản lý thích hợp, bởi vì những ảnh hưởng của chúng đến năng lực hoạt động liên tục của các HTTT của một tổ chức nói chung và ngân hàng nói riêng trên thực tế là *nặng nề hơn* so với những đánh giá có tính chất thống kê.

Ở nước ta, mặc dù chưa có những số liệu đánh giá chính thức, nhưng nhìn chung những rủi ro ảnh hưởng đến năng lực hoạt động liên tục của các HTTT ngân hàng còn ở *mức độ thấp*; song không vì thế mà có thể chủ quan, trái lại ngay ở *điểm xuất phát* công nghệ hiện nay, tầm quan trọng của việc kiểm soát năng lực hoạt động liên tục của HTTT ngân hàng đòi hỏi phải được *nhận thức, quan tâm đầy đủ cũng như có hành động thích hợp* cả về phía các ngân hàng lẫn các cơ quan quản lý Nhà nước.

Các ngân hàng, trước hết là các nhà quản lý cấp cao (Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc), phải nhận thức được tính cấp thiết của vấn đề và phải *phân phối một nguồn lực (tài chính, nhân lực...) thích đáng* cho việc thiết lập và triển khai kế hoạch duy trì năng lực hoạt động liên tục (Business Continuity Plan - BCP) của ngân hàng mà trước hết là của HTTT. Kế hoạch này phải được thử nghiệm và thường xuyên điều chỉnh trước những thay đổi trong thực tế. *Kiểm toán nội bộ* ngân hàng (bộ phận kiểm toán công nghệ thông tin) chịu trách nhiệm định kỳ (hàng năm) đánh giá *mức độ khả thi, đầy đủ, phù hợp* cũng như sự tuân thủ của các bộ phận khác

n nhau trong ngân hàng đối với kế hoạch này, qua đó nêu lên những thiếu sót, bất cập để có biện pháp khắc phục.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam (Cục công nghệ tin học ngân hàng) cần sớm có các văn bản chỉ đạo có tính hướng dẫn hoặc pháp lý quy định *trách nhiệm, nghĩa vụ của các ngân hàng* (Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc) đối với việc duy trì năng lực hoạt động liên tục của HTTT. Thiết lập và chứng minh tính khả thi của kế hoạch duy trì hoạt động liên tục phải là một *điều kiện bắt buộc* để NHNN cấp phép cho các ngân hàng phát triển các HTTT nhằm mục đích cung ứng dịch vụ cho khách hàng (như ATM, Internet Banking...). Bên cạnh đó, cần sớm có những *nghiên cứu, đánh giá* của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về những *rủi ro đối với năng lực hoạt động liên tục* của các HTTT trong điều kiện Việt Nam, làm căn cứ định hướng cho các ngân hàng xây dựng kế hoạch duy trì năng lực hoạt động liên tục một cách hiệu quả.

Ngoài ra, NHNN cần có cơ chế giám sát thích hợp để bảo đảm tính hiệu lực của những kế

hoạch duy trì năng lực hoạt động liên tục của các HTTT ngân hàng. Có thể thấy, sự giám sát của NHNN khó có thể thực hiện bằng con đường trực tiếp (tương tự như hoạt động thanh tra ngân hàng), mà NHNN chỉ có thể giám sát gián tiếp thông qua một "cầu nối" là hoạt động của các kiểm toán viên độc lập trong các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính các ngân hàng hàng năm. Cần *bổ sung* quy định và hướng dẫn về nhiệm vụ của kiểm toán viên độc lập khi thực hiện kiểm toán ngân hàng là phải khảo sát, đánh giá *năng lực hoạt động liên tục của các HTTT trọng yếu của ngân hàng* (những hệ thống mà khi gián đoạn hoạt động có khả năng ảnh hưởng đến tình trạng thanh khoản hay khả năng thanh toán của ngân hàng). Những yếu kém phát hiện trong quá trình kiểm toán về năng lực hoạt động liên tục của các HTTT ngân hàng trọng yếu phải được kiểm toán viên trình bày trong *thư quản lý* gửi cho các nhà quản lý ngân hàng và các nhà quản lý phải có trách nhiệm giải trình cũng như nêu lên các biện pháp sẽ được tiến hành để khắc phục những yếu kém đó ■



Phân phối nguồn lực hoạt động của ngân hàng Đầu tư và Phát triển